

Số: 2517/GPMT-UBND

Hải Dương, ngày 26 tháng 9 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương ngày 12 tháng 12 năm 2023 và hồ sơ gửi kèm.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 699/TTr-TNMT ngày 25 tháng 9 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương, địa chỉ tại số 144 Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương tại số 144 Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 144 Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

1.3. Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương hoạt động theo Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 06/02/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

1.4. Mã số thuế: 0800382580.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô: Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Diện tích đất sử dụng: 1642,7 m<sup>2</sup>.

- Quy mô giường bệnh: 130 giường.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hải Dương.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND thành phố Hải Dương;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lưu Văn Bản**

## Phụ lục I

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2517/GPMT-UBND

ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của Bệnh viện.

- Nguồn 02: Nước thải y tế (nước thải từ phòng giặt, từ phòng khám các khoa, chậu rửa dụng cụ y tế,...).

- Nguồn số 03: Nước thải của phòng khám Sản phụ khoa - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hải Dương.

##### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải

###### 2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Hệ thống thoát nước chung của phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

###### 2.2. Vị trí xả nước thải

- Hệ thống thu, thoát nước chung của khu vực tại số 144 Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ): X(m) = 2317153; Y(m) = 586672.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 20 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

###### 2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Nước thải của dự án sau hệ thống xử lý theo đường ống UPVC D200, dài 27,5m tự chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực tại số 144 Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế - QCVN 28:2010/BTNMT (cột B; K=1,2; C<sub>max</sub> = C x K), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
----	--------------	-------------	---------------------------	----------------------------	-----------------------------

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 – 8,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	60		
3	COD	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,12		
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,2		
12	Tổng Coliforms	MNP/100ml	5.000		
13	Salmonella	VK/100ml	KPH		
14	Shigella	VK/100ml	KPH		
15	Vibrio cholerae	VK/100ml	KPH		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ các khu vệ sinh sau khi được xử lý sơ bộ bằng 04 bể tự hoại tổng thể tích 40m<sup>3</sup> cùng với nước thải y tế tại các phòng khám và nước thải giặt được thu gom bằng đường ống UPVC-DN90, UPVC-DN160 qua các hố ga và dẫn vào hồ thu trước khi được bơm vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện, tổng chiều dài đường ống là 60 m.

- Nước thải của phòng khám Sản phụ khoa - Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hải Dương được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại tổng thể tích 30m<sup>3</sup> cùng nước thải y tế được dẫn qua đường ống UPVC-DN65 dài 40m về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Hồ thu nước thải → Ngăn điều hòa → Ngăn khử nitơ → Ngăn hiếu khí có chứa đệm vi sinh → Ngăn lọc → Ngăn khử trùng (bơm nước đầu ra) → Nước thải sau xử lý đạt mức B của QCVN 28:2010/BTNMT trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Công suất thiết kế: 20 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clo: 53,5 g/ngày (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết như máy thổi khí, máy bơm,... để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Bố trí công nhân chịu trách nhiệm vận hành liên tục, đúng quy trình vận hành đã xây dựng; theo dõi, ghi chép vào sổ nhật ký vận hành, khi phát hiện sự cố báo cáo ngay với người chủ quản để đưa ra giải pháp khắc phục kịp thời.

- Khi phát hiện sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Hệ thống van đóng xả nước thải sẽ đóng lại và dừng việc xả nước thải ra ngoài môi trường. Nước thải trong thời gian khắc phục sự cố sẽ được lưu trữ tạm thời tại bể gom và bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Sau khi sửa chữa và khắc phục xong, hệ thống sẽ tiếp tục xử lý phần nước lưu chứa.

- Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải không thể khắc phục kịp thời và hố gom, ngăn điều hòa không còn khả năng lưu chứa thì Bệnh viện sẽ thuê đơn vị có chức năng hút nước thải mang đi xử lý trong thời gian khắc phục.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hải Dương đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình xả thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước, Bệnh viện phải báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Bệnh viện.

3.4. Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

## Phụ lục II

# BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2517/GPMT-UBND  
ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tủ máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Tủ máy phát điện dự phòng (không thường xuyên).

#### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ vị trí: X (m) = 2317172; Y (m) = 586675.
  - Nguồn số 02: Tọa độ vị trí: X (m) = 2317167; Y (m) = 586669.
- (Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

#### 3. Tiếng ồn, độ rung

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

##### 3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ - 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

##### 3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị và định kỳ bảo dưỡng và đảm bảo quy hoạch vị trí tách biệt với khu khám và chữa bệnh.

- Đối với khu vực xử lý nước thải: các máy móc thiết bị được kê chân bằng cao su chống rung, máy thổi khí được bố trí các khoang có cách âm giảm thiểu tiếng ồn đến khu vực bệnh viện và dân cư xung quanh.

- Trồng cây xanh xung quanh.

- Bố trí máy phát điện dự phòng hợp lý, riêng biệt, định kỳ kiểm tra bảo dưỡng.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt.



### Phụ lục III

## YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2517/GPMT-UBND  
ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

#### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

##### 1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Các bình chứa áp suất chưa đảm bảo rỗng hoàn toàn	Rắn	3	10 03 01	NH
2	Chất tẩy rửa thải có thành phần nguy hại	Lỏng	50	16 01 10	NH
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/Lỏng	3.612	13 01 01	NH
4	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	3	16 01 06	NH
5	Pin/ắc quy	Rắn	2	16 01 12	NH
6	Bao bì mềm thải dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	1	18 01 01	NH
7	Bao bì cứng thải dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	3	18 01 03	NH
8	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (thủy tinh, composit)	Rắn	6	18 01 04	NH
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	10	18 02 01	NH
<b>Tổng</b>			<b>3.690</b>		

##### 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Dược phẩm không có thành phần gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	Rắn	1	13 01 07
2	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	20	18 01 05
3	Bao bì nhựa (Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại	Rắn	50	18 01 06

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã chất thải
	trên bao bì từ nhà sản xuất; vỏ chai;...)			
4	Bao bì kim loại	Rắn	2	18 01 08
5	Bao bì thủy tinh (Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất; Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;...)	Rắn	50	18 01 09
6	Vỏ hộp mực in, cặn mực in văn phòng	Rắn	5	08 02 06
7	Bùn thải từ hệ thống thoát nước mưa	Lỏng	100	12 06 13
<b>Tổng</b>			<b>228</b>	

1.3. Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 9,12 tấn/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

### *2.1.1 Thiết bị lưu chứa*

Trang bị 06 thùng chứa bằng nhựa HDPE có nắp đậy, dung tích 240 lít, được dán tên và mã chất thải nguy hại.

### *2.1.2. Kho chứa*

- Diện tích kho chứa: 5m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: nhà khung thép quay kín bằng tôn và lợp mái tôn, có cửa ra vào kiểm soát. Có rãnh và hố thu chất thải nguy hại dạng lỏng phòng ngừa ứng phó khi có sự cố rò rỉ, bố trí các thiết bị PCCC, vật liệu thấm hút, phía ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu, có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng, có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

Chất thải nguy hại phải được phân định, phân loại, lưu chứa, thu gom, lưu giữ, chuyển giao, báo cáo và lập hồ sơ quản lý theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, khoản 2, Điều 3 và khoản c, Điều 7 Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của UBND tỉnh Hải Dương Ban hành Quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn

tỉnh Hải Dương.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

Trang bị thùng chứa bằng nhựa HDPE có nắp đậy, với dung tích từ 5-20 lít/thùng; xe thùng vận chuyển có sức chứa 240 lít /thùng.

Chất thải rắn thông thường phải được phân định, phân loại, lưu chứa, thu gom, lưu giữ, chuyển giao, báo cáo và lập hồ sơ quản lý theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế; Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về Ban hành Quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt

Trang bị 12 thùng loại 20 lít dọc hành lang các tầng, 12 thùng loại 120 lít dọc khuôn viên Bệnh viện và 13 thùng 10 lít tại các phòng, ngoài ra còn 03 thùng 240 lít đặt tại khu sân sau (cạnh kho chứa chất thải nguy hại) của Bệnh viện.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### 3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

## B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm của cơ sở y tế theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **Phụ lục IV**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2517 /GPMT-UBND  
ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### **C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện tiếp nhận, chuyển giao nước thải theo đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

7. Thực hiện cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước đảm bảo nước thải sau xử lý đạt giá trị cho phép theo mức A của QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.